

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang được thành lập theo quyết định số 133/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Trường là cơ sở giáo dục Đại học công lập, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng của trường là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Cao đẳng, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp.

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang đào tạo 10 ngành bậc Đại học, 10 ngành bậc Cao đẳng chủ yếu là các ngành thuộc lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp và Quản lý tài nguyên, môi trường. Đây là các ngành hết sức cần thiết đối với phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nhất là phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Tuy mới chính thức tuyển sinh và tổ chức đào tạo bậc Đại học từ năm 2011, nhưng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang đã trải qua 55 năm xây dựng và trưởng thành, được kế thừa các điều kiện cơ sở vật chất và kinh nghiệm đào tạo của Trường Cao đẳng Nông – Lâm (Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2005). Được Bộ Nông nghiệp và PTNT ưu tiên hàng đầu về đầu tư. Hiện tại, Nhà trường đã hội đủ các điều kiện về đội ngũ Giảng viên cơ hữu và cơ sở vật chất để cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục, cả về chuyên môn nghề nghiệp và phát triển nhân cách của người học. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, Nhà trường vẫn khá bị động trong khâu tuyển sinh, do đặc điểm các ngành nghề đào tạo và địa điểm của Trường.

Điều 34 Luật Giáo dục đại học đã chỉ rõ cơ sở giáo dục đại học tự chủ quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh. Khoản 3, Điều 2 Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo có ghi: Các trường tổ chức tuyển sinh riêng thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh, ...

Vì vậy, Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh đáp ứng các yêu cầu về nội dung, điều kiện và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến áp dụng từ 2015 và sẽ tiếp tục hoàn thiện, phát triển để sử dụng cho các năm tiếp theo.

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

1.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục đại học được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 ;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về *“Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Quyết định số 221/2005/QĐ-TTg ngày 9 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020;
- Chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2011-2020 Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 12/VBHN/BGDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng từ năm 2015;
- Công văn số 4004/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh;
- Công văn số 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2015;
- Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2014 của trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

1.2. Mục đích, yêu cầu

- Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Nhà trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với đặc thù của trường;
- Tuyển sinh bảo đảm chất lượng đầu vào làm cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo. Chọn được thí sinh đủ năng lực/học vấn và thái độ phù hợp với yêu cầu, đặc thù, triết lý đào tạo của nhà trường. Do vậy, quá trình tuyển sinh phải được

thiết kế khoa học và khả thi để có thể đánh giá toàn diện và chính xác năng lực, động cơ học tập của thí sinh, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng mục tiêu của từng ngành đào tạo của trường. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, tạo thuận lợi và cơ hội tối đa cho thí sinh.

1.3. Nguyên tắc

- Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tuyển sinh theo quy định tại Điều 34 Luật Giáo dục đại học;
- Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đảm bảo lộ trình đổi mới công tác tuyển sinh và tuân thủ các Thông tư và văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Hình thức, nội dung tuyển sinh phù hợp với ngành đào tạo của nhà trường và chương trình giáo dục phổ thông;
- Các tiêu chí sử dụng trong xét tuyển được xác định có cơ sở khoa học và thực tiễn, đảm bảo chất lượng nguồn tuyển;
- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện Đề án tuyển sinh;
- Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh, không để phát sinh tiêu cực, đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, minh bạch;
- Không gây phức tạp cho xã hội và tốn kém cho thí sinh, được dư luận đồng tình ủng hộ.

2. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

2.1. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang xét tuyển đồng thời 2 phương thức như sau:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thí sinh tham dự kỳ thi THPT quốc gia căn cứ vào kết quả 3 môn thi THPT quốc gia, đây là phương thức chủ yếu. Trường dành 60% chỉ tiêu để xét tuyển đại học, cao đẳng.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT. Trường dành 40% chỉ tiêu để xét tuyển đại học, cao đẳng, và chủ yếu để tuyển các ngành thuộc khối nông lâm nghiệp.

2.1.1. Phương thức 1

2.1.1.1. Tiêu chí xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT;
- Điểm thi THPT quốc gia có các môn dùng để xét tuyển đạt bằng hoặc trên ngưỡng tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định để xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2015;

- Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực nếu có.

Môn xét tuyển vào bậc Đại học quy định cho từng ngành như sau:

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Điểm xét tuyển
1	Khoa học cây trồng	D620110	A, A1, D1, B	Tổng điểm 3 môn
2	Chăn nuôi	D620105	A, A1, D1, B	
3	Thú y	D640101	A, A1, D1, B	
4	Quản lý đất đai	D850103	A, A1, D1, B	
5	Quản lý Tài nguyên & Môi trường	D850101	A, A1, D1, B	
6	Công nghệ thực phẩm	D540101	A, A1, D1, B	
7	Lâm sinh	D620205	A, A1, D1, B	
8	Công nghệ sinh học	D420201	A, A1, D1, B	
9	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	D620211	A, A1, D1, B	
10	Kế toán	D340301	A, A1, D1	
11	Bảo vệ thực vật *	D620112	A, A1, D1, B	
12	Kinh tế *	D310101	A, A1, D1	
13	Lâm nghiệp đô thị *	D620202	A, A1, D1, B	

Môn xét tuyển vào bậc Cao đẳng quy định cho từng ngành như sau:

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Điểm xét tuyển
1	Dịch vụ Thú y	C640201	A, A1, D1, B	Tổng điểm 3 môn
2	Quản lý đất đai	C850103	A, A1, D1, B	
3	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	C620211	A, A1, D1, B	
4	Kế toán	C340301	A, A1, D1	

Trong đó: Khối A: Toán, Lý, Hóa

Khối A1: Toán, Lý, Ngoại ngữ (Anh)

Khối B: Toán, Hóa, Sinh

Khối D1: Toán, Ngữ văn, Anh

(*) các ngành dự kiến sẽ mở đầu năm 2015

- Xét điểm theo khối thi từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu;

- Điểm trúng tuyển của đợt xét tuyển sau không thấp hơn điểm trúng tuyển của đợt xét tuyển trước. Bậc Đại học xét trước, bậc cao đẳng xét sau.

2.1.1.2. Phương thức đăng ký của thí sinh

Hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và quy trình xét tuyển của thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.1.2. Phương thức 2

2.1.2.1. Tiêu chí xét tuyển

Kết quả tổng điểm trung bình cả năm của 3 năm học THPT. Đây là tiêu chí phản ánh toàn diện kiến thức của thí sinh trong một thời gian dài.

2.1.2.2. Phương pháp xét tuyển

a) Bước 1: Xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (sàn xét tuyển):

+ Bậc Đại học:

- Kết quả điểm bình quân của điểm trung bình cả năm của 3 lớp (lớp 10, lớp 11 và 12) từ 6,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT;
- Hạnh kiểm đạt loại Khá trở lên.

+ Bậc cao đẳng:

- Kết quả điểm bình quân của điểm trung bình cả năm của 3 lớp (lớp 10, lớp 11 và 12) từ 5,5 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT;
- Hạnh kiểm đạt loại Khá trở lên.

b) Bước 2: Tính điểm xét tuyển (các điểm thành phần theo thang điểm 10, làm tròn đến 2 chữ số thập phân) cho các thí sinh đạt sàn xét tuyển.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = (\text{Đ1} + \text{Đ2} + \text{Đ3}) + \text{Đ4}$$

Trong đó:

- ĐXT: Điểm xét tuyển;
- Đ1: Điểm trung bình cả năm lớp 10;
- Đ2: Điểm trung bình cả năm lớp 11;
- Đ3: Điểm trung bình cả năm lớp 12;
- Đ4: Điểm ưu tiên theo đối tượng và theo khu vực.

c) Bước 3: Xác định người trúng tuyển

Xét tuyển từ cao đến thấp, cho đến khi đủ chỉ tiêu. Xét tuyển Đại học trước, Cao đẳng sau.

2.1.2.3. Phương thức đăng ký của thí sinh

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT), lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua đường bưu điện theo hình thức thư chuyển phát nhanh hay trực tiếp tại trường.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu có trên trang Web của Trường);

+ Bản sao bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2015; Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2015 (bản chính).

+ Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên nếu có.

+ Học bạ THPT (bản sao)

+ 2 ảnh cỡ 3 x 4 chụp trong vòng 6 tháng.

+ Hai phong bì đã dán sẵn tem, ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh và số điện thoại để Trường thông báo kết quả sơ tuyển và xét tuyển.

2.1.2.4. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh đối với phương thức 2

Điểm ưu tiên chỉ cộng vào điểm xét tuyển của những thí sinh đạt ngưỡng chất lượng đầu vào (sàn xét tuyển) theo quy định của Đề án.

2.1.3. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh chung

Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.4. Lệ phí tuyển sinh

Lệ phí xét tuyển: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

2.1.5. Các Kỳ xét tuyển

Trường tổ chức nhiều đợt xét tuyển, mỗi đợt cách nhau 20 ngày tính từ thời điểm có kết quả xét tốt nghiệp THPT và tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, kết thúc xét tuyển 31/10/2015.

Các đợt xét tuyển được công bố công khai trên Website của Trường.

2.2. Phân tích ưu, nhược điểm của phương án tuyển sinh

2.2.1. Sự phù hợp của phương thức tuyển sinh với đặc thù các ngành đào tạo của Trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành

- Đặc thù của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang là đào tạo các ngành Nông, Lâm nghiệp (Khoa học cây trồng, Chăn nuôi, Thú y, Lâm sinh, Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng) và Quản lý tài nguyên, môi trường, hiện là các ngành hết sức cần thiết đối với phát triển kinh tế xã hội, nhất là phát triển nông nghiệp và nông thôn, nhưng không hấp dẫn người học. Đối tượng thí sinh chủ yếu là con em nông dân nghèo ở nông thôn và miền núi. Trong bốn năm qua, Trường tuyển sinh theo phương thức ba chung và tuyển sinh theo Đề án riêng (2014) sinh viên nhập học chủ yếu ở mức lân cận điểm sàn và không tuyển đủ chỉ tiêu đối với các ngành khó tuyển. Với đối tượng học sinh và ngành nghề như trên, định hướng và triết lý đào

tạo của Nhà trường là thiên về ứng dụng, thực hành, phát huy lợi thế về cơ sở vật chất, đất đai và đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ cao của Nhà trường (lớp có số sinh viên không nhiều, tỷ trọng thực hành, thực tập lớn trong chương trình đào tạo, điều kiện thực hành thực tập đầy đủ và thuận lợi). Do vậy, xét tuyển theo trình độ văn hóa tương đương ở mức trung bình khá trở lên ở bậc phổ thông là phù hợp với ngành nghề và quan điểm, định hướng đào tạo của Nhà trường.

- Việc dành tỷ lệ lớn (60% tổng chỉ tiêu) cho thí sinh thi có kết quả thi THPT quốc gia đạt từ ngưỡng trở lên là vì năm nay Bộ đã có Quyết định tổ chức một kỳ thi nhằm hai mục đích xét tốt nghiệp và xét tuyển vào cao đẳng, đại học. Vì vậy Bộ sẽ quyết tâm tổ chức tốt kỳ thi THPT quốc gia, kết quả đảm bảo khách quan, công bằng, Trường có thể yên tâm sử dụng để xét tuyển vào đại học, cao đẳng.

- Việc dành tỷ lệ 40 % chỉ tiêu để xét tuyển dựa vào kết quả học ở bậc THPT là để tuyển sinh các ngành khó tuyển thuộc khối nông lâm.

Việc kết hợp tuyển sinh theo cả hai nhóm tiêu chí là nhằm thận trọng, tránh rủi ro, bất cập chưa được tính đến trong tuyển sinh và là cơ hội để Trường phân tích, so sánh hiệu quả của hai phương thức tuyển sinh làm cơ sở để điều chỉnh thích hợp cho năm sau.

2.2.2. Các yếu tố đảm bảo chất lượng, sự công bằng của phương thức tuyển sinh đề xuất

- Việc sử dụng tiêu chí (theo phương thức xét tuyển 2) là dựa trên kết quả học tập của cả quá trình học tập ở bậc THPT, cho phép đánh giá năng lực toàn diện của thí sinh phát huy được năng lực học tập của mình ở trường đại học.

- Phương thức tuyển sinh tạo ra sự công bằng, khách quan cho tất cả các thí sinh, hạn chế được sự may rủi trong các kỳ thi THPT quốc gia.

- Kết quả phân tích tương quan về điểm thi Đại học và điểm bình quân các năm học cấp 3 (Phụ lục 5, số liệu từ hơn 250 sinh viên chính quy năm thứ 2,3 tại Đại học Nông - Lâm Bắc Giang) cho thấy, tương quan giữa điểm thi đại học và điểm bình quân các năm học phổ thông là khá cao (xấp xỉ 0,5), và điểm sàn năm 2012, 2013 (13-14 điểm) tương đương với 6,0 điểm bình quân ba năm THPT. Do vậy, sẽ không có khác biệt lớn về trình độ của thí sinh trúng tuyển theo hai phương thức xét tuyển (theo kết quả học THPT và theo điểm sàn tuyển sinh Đại học) mà đề án này đề xuất.

2.2.3. Thuận lợi, khó khăn của Nhà trường, của thí sinh khi trường triển khai phương án tuyển sinh

Thuận lợi:

- Giảm việc gây áp lực trong thi tuyển sinh đại học, cao đẳng cho thí sinh.
- Đáp ứng nguồn nhân lực và các ngành nghề mà xã hội đang cần.
- Phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo của trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.
- Định hướng được việc lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh THPT.
- Đảm bảo chất lượng và năng khiếu theo yêu cầu của ngành.
- Giảm chi phí tổ chức tuyển sinh cho Nhà trường.

Khó khăn:

- Thí sinh có thể vừa nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển với 2 phương thức và các ngành khác dẫn đến tồn tại số ảo khi xét tuyển.

2.2.4. Các hiện tượng tiêu cực có thể phát sinh khi triển khai phương án tuyển sinh và các giải pháp chống tiêu cực

- Trong các tiêu chí xét tuyển có tiêu chí lấy kết quả của 3 năm học THPT, do đó có thể xảy ra tình trạng thay học bạ đối với những em kém.

- Vì xét tuyển, nên có thể lợi dụng quan hệ với người thân trong trường hoặc nhờ cán bộ làm công tác tuyển sinh.

Để khắc phục những hiện tượng trên, nhà trường sẽ sử dụng các biện pháp:

- Kiểm tra chặt chẽ bản chính học bạ THPT;
- Xác minh Học bạ của các trường hợp nghi ngờ có tiêu cực;
- Công khai rộng rãi Đề án tuyển sinh của nhà trường để mọi người biết cùng tham gia giám sát quá trình xét tuyển;
- Công khai danh sách trúng tuyển trên trang Web của Trường;
- Xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm qui chế tuyển sinh và có hình thức khen thưởng xứng đáng đối với những trường hợp phát hiện các hiện tượng tiêu cực;
- Phối hợp với PA83 Công an tỉnh Bắc Giang trong công tác xét tuyển và hậu kiểm tuyển sinh.

2.3. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

2.3.1. Điều kiện về nhân lực

Ở thời điểm hiện tại, tổng số giảng viên cơ hữu của trường là: 147 trong đó

- Tiến sĩ: 20 (14%)
- Thạc sĩ: 110 (74%)
- Đại học: 17 (12%)

2.3.2. Cơ sở vật chất

Hạng mục	Diện tích sàn (m ²)
a) Giảng đường, nhà làm việc*	10.400
b) Thư viện	2.517
c) Phòng thí nghiệm, Xưởng trường	1.700
d) Ký túc xá	7.450
Tổng cộng	20.067

Diện tích đất đai: 58,5 ha.

* Đến đầu năm 2015 diện tích Giảng đường tăng thêm 10.000 m² do Dự án đầu tư xây dựng khu nhà học lý thuyết 7 tầng hoàn thành.

Với nguồn lực nói trên, năng lực tuyển sinh của nhà trường theo các tiêu chí hiện hành của Bộ là khoảng 2000 sinh viên/năm, tuy nhiên, nhà trường chỉ xây dựng chỉ tiêu 1300/năm (cả Đại học và Cao đẳng) nên hoàn toàn đủ năng lực để tổ chức tuyển sinh và tổ chức đào tạo theo phương án dự kiến.

Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang đảm bảo bố trí, sắp xếp đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác chuẩn bị, công tác tổ chức xét tuyển, công bố kết quả, hậu kiểm tuyển sinh đúng quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Công tác chuẩn bị tuyển sinh

3.1.1. Hiệu trưởng quyết định thành lập HĐTS để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh

+ Thành phần của HĐTS trường gồm có: Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền; Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng; Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí; Các uỷ viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Chủ nhiệm bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường: HĐTS các trường đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ GD&ĐT; HĐTS trường có nhiệm vụ và quyền hạn tổ

chức thực hiện các khâu: xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ tuyển sinh; thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định; truyền dữ liệu tuyển sinh về Bộ GD&ĐT đúng thời hạn, đúng cấu trúc do Bộ GD&ĐT quy định; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch và phó chủ tịch HĐTS trường: Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ; Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh; Báo cáo kịp thời với Bộ GD&ĐT và Bộ Nông nghiệp và PTNT về công tác tuyển sinh của trường; Ra quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho HĐTS trường bao gồm: Ban Thư ký, Ban Cơ sở vật chất. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐTS trường;

+ Phó Chủ tịch HĐTS trường giúp Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

3.1.2. Thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng phương án tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh của các trường bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, khối thi/xét tuyển, môn thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, vùng tuyển và các thông tin liên quan khác.

3.1.3. Chủ tịch HĐTS Quyết định thành lập các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh

+ Ban Thư ký HĐTS trường gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm; Các uỷ viên: một số cán bộ Tổ tuyển sinh, Phòng Đào tạo và Phòng Khảo thí, các phòng (ban), cán bộ công nghệ thông tin và giảng viên.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS trường: Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐTS giao phó; Nhận, bảo quản hồ sơ xét tuyển của thí sinh; Quản lý các giấy tờ, biên bản liên quan hồ sơ xét tuyển của thí sinh; Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định; In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển;

+ Ban Cơ sở vật chất – an ninh: Chuẩn bị nhân lực, kinh phí, vật chất phục vụ công tác tuyển sinh.

3.1.4. Chủ tịch HĐTS Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển sinh; mẫu hồ sơ đăng ký xét tuyển sinh;

3.1.5. Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm, ... cho việc tổ chức xét tuyển.

3.2. Tổ chức xét tuyển

Hội đồng tuyển sinh trường chỉ đạo và điều hành các công việc sau đây:

- Chuẩn bị hồ sơ, biểu mẫu đăng ký xét tuyển.
- Phát hành hồ sơ đăng ký xét tuyển
- Tiếp nhận hồ sơ xét tuyển
- Lập danh sách thí sinh, cập nhật và xử lý thông tin.
- Xét tuyển theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Phương thức xét tuyển theo Đề án tuyển sinh riêng của trường.
- Biên bản xét duyệt trúng tuyển
- Quyết định công nhận trúng tuyển
- Lập danh sách thí sinh trúng tuyển
- Gửi thông báo trúng tuyển
- Công bố danh sách trúng tuyển công khai trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng liên quan.
- Lập danh sách thí sinh trúng tuyển gửi các trường đại học - cao đẳng đối chiếu kiểm tra.
- Lập danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học
- Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học
- Gửi thông báo nhập học
- Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT và cơ quan chủ quản.

3.3. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh

Thực hiện theo quy định Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Trường thành lập Ban thanh tra tuyển sinh, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thanh tra, nhất là thanh tra tuyển sinh do Chủ tịch Công đoàn và Trưởng Ban thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐTS trường.

Ban thanh tra tuyển sinh chủ động phòng ngừa tiêu cực, phát hiện, xử lý sai phạm; thu thập thông tin chính xác, giúp Hiệu trưởng chỉ đạo kịp thời đề ra giải

pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc, ứng phó với mọi tình huống bất thường, bảo đảm cho công tác tuyển sinh diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

Ban thanh tra tuyển sinh của trường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh; kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo quy định.

3.4. Công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo

- Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng, khiếu nại tố cáo các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh.

- + Hội đồng tuyển sinh của trường
- + Ban thanh tra tuyển sinh
- + Hòm thư góp ý của nhà trường

- Trách nhiệm của người khiếu nại, tố cáo các hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các bằng chứng.

- Cá nhân và tổ chức tiếp nhận khiếu nại tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng và báo cáo với HĐTS để có biện pháp xử lý thích hợp.

3.5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh theo quy định

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời trong từng giai đoạn triển khai nội dung đề án tuyển sinh 2015 theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết thúc kỳ tuyển sinh, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo và Bộ Nông nghiệp &PTNT.

3.6. Sự phối hợp và hỗ trợ của các ban, ngành địa phương trong các khâu của công tác tuyển sinh

- Nhà trường luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn, Bắc Ninh... các Phòng giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên và Phòng phổ thông; Đài phát thanh và Truyền hình các địa phương.

- Nhà trường có mối quan hệ gắn bó với hơn 200 trường THPT và Trung tâm GDTX ở các huyện thuộc các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Bắc Cạn, Hà Giang, Yên Bái...

- Nhà trường sẽ phối hợp với PA83 Công an tỉnh Bắc Giang trong khi tổ chức xét tuyển và hậu kiểm tuyển sinh.

4. LỘ TRÌNH VÀ CAM KẾT CỦA TRƯỜNG

4.1. Lộ trình thực hiện

- Sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép công bố Đề án tuyển sinh để lấy ý kiến góp ý trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, Trường sẽ chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án và nếu được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận bằng văn bản khẳng định Đề án tuyển sinh riêng của trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Nhà trường sẽ thực hiện từ năm 2015.

- Sau kỳ tuyển sinh năm 2015, Trường sẽ tổ chức phân tích, rút kinh nghiệm và sẽ có các điều chỉnh thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh theo hướng tăng mức độ tự chủ trong tuyển sinh theo lộ trình, định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2016, Trường dự kiến xây dựng và thực hiện tuyển sinh trên cơ sở đánh giá thí sinh toàn diện hơn, thông qua sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT và kết quả thi THPT quốc gia, tuy nhiên, sẽ nâng dần trọng số và số môn của tiêu chí đánh giá điểm thi THPT quốc gia.

4.2. Cam kết của trường

- Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tổ chức tuyển sinh theo quy định của Quy chế và dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Nhà trường cam kết và chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường được công bố rộng rãi, công khai, để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2015, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực, vi phạm Quy chế theo quy định.

Căn cứ vào tình hình thực tế và năng lực của Trường về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cơ chế và kinh nghiệm quản lý về hoạt động dạy, học và thi cử, ...

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2015 và mong Bộ xem xét cho phép để kịp thời tổ chức thực hiện.

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

5. PHỤ LỤC

Phụ lục 1- Dự thảo Quy chế tuyển sinh riêng của trường;

Phụ lục 2 - Kết quả tuyển sinh của trường 5 năm qua;

Phụ lục 3- Các ngành, chuyên ngành và trình độ đào tạo của trường;

Phụ lục 4- Danh mục các nguồn lực (cơ sở vật chất và đội ngũ) để thực hiện đề án.

Phụ lục 5- Kết quả phân tích hồi quy, tương quan kết quả học tập của sinh viên năm thứ 2,3 Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Phụ lục 1

QUY CHẾ Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tuyển sinh đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) hệ chính quy, bao gồm: Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của trường trong công tác tuyển sinh; chuẩn bị và công tác tổ chức xét tuyển, triệu tập thí sinh trúng tuyển; chế độ báo cáo và lưu trữ.

Điều 2. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tổ chức tuyển sinh theo hai phương thức:

- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả học tập bậc trung học phổ thông.
- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả thi THPT quốc gia.

Điều 3. Chỉ đạo công tác tuyển sinh

Nhà trường ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh để giúp Hiệu trưởng chỉ đạo công tác tuyển sinh.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tuyển sinh do Hiệu trưởng quy định.

Điều 4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2. Trường có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các khâu của công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi đại học, cao đẳng không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các khâu công tác tuyển sinh.

Điều 5. Điều kiện dự xét tuyển

1. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự xét tuyển vào trường:

a) Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học;

c) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định;

d) Có mặt tại trường đã đăng ký dự thi đúng lịch thi, địa điểm, thời gian quy định ghi trong giấy báo dự thi;

2. Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

a) Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;

b) Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

c) Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);

Điều 6. Diện trúng tuyển

Những thí sinh có đầy đủ hồ sơ, có kết quả phỏng vấn và đạt điểm trúng tuyển do nhà trường quy định cho từng đối tượng thì thuộc diện trúng tuyển.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

a) Ưu tiên theo khu vực:

Khu vực ưu tiên	Điểm ưu tiên
Khu vực 3	0
Khu vực 2	0,5
Khu vực 2 nông thôn	1,0
Khu vực 1	1,5

b) Ưu tiên theo đối tượng:

Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên
UT1 (đối tượng 01-04)	2.0
UT2 (đối tượng 05-07)	1,0

Khái niệm đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được hiểu theo điều 7 của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Để đảm bảo sự công bằng trong chế độ ưu tiên giữa các đối tượng thí sinh nhập học theo hai phương thức xét tuyển, mức điểm ưu tiên được giữ nguyên theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hiện hành, nhân hệ số 0,3 để quy đổi từ thang điểm 30 (tổng điểm của ba môn thi tuyển) về thang điểm 10 (theo phương án xét tuyển). Điểm ưu tiên (sau khi nhân hệ số) của thí sinh cộng vào điểm trung bình chung.

Điều 8. Thủ tục và hồ sơ đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển, chuyển nhận giấy báo kết quả xét tuyển

a) Thí sinh tốt nghiệp THPT đăng ký xét tuyển

Thí sinh làm hồ sơ đăng ký xét tuyển gửi cho cán bộ làm công tác tuyển sinh của trường THPT để tập hợp, sau đó sẽ gửi cho Phòng Đào tạo trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang. Thí sinh cũng có thể gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển qua Bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Phòng Đào tạo của trường.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu trên Website của trường*);
- + Bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT hoặc Bảng điểm thi tốt nghiệp phổ thông đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2015 (có công chứng)
- + Học bạ THPT (bản sao có công chứng);
- + Hai phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh, số điện thoại để trường thông báo kết quả sơ tuyển và xét tuyển.

b) Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2015 đăng ký dự xét tuyển

Hồ sơ ĐKXT gồm có:

- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia;
- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh, số điện thoại để trường thông báo kết quả xét tuyển;
- Thủ tục nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí ĐKXT.

Theo đúng thời hạn quy định của các trường, thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí ĐKXT qua đường bưu điện chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát ưu tiên. Thí sinh cũng có thể nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí ĐKXT trực tiếp tại trường, Hiệu

trưởng các trường chịu trách nhiệm trong tất cả các khâu: tổ chức thu nhận, vào sổ, quản lý, cấp biên lai cho thí sinh.

Hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển của thí sinh dù nộp qua đường bưu điện chuyển phát nhanh hoặc dịch vụ chuyển phát ưu tiên hoặc nộp trực tiếp tại các trường trong thời hạn quy định của trường, đều hợp lệ và có giá trị xét tuyển như nhau.

Nếu không trúng tuyển có nguyện vọng rút hồ sơ ĐKXT đã nộp, thí sinh được quyền rút hồ sơ ĐKXT. Lệ phí ĐKXT đối với thí sinh rút hồ sơ và thí sinh không trúng tuyển do Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 9. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Tuyển sinh (HĐTS) trường

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập HĐTS để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

1. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
- c) Uỷ viên thường trực: Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng Giáo vụ (hoặc Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí);
- d) Các uỷ viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Chủ nhiệm bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi vào trường trong năm đó không được tham gia HĐTS trường.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường:

- a) HĐTS các trường đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ GD&ĐT;
- b) HĐTS trường có nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức thực hiện các khâu: xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi tuyển sinh; thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT và cơ quan chủ quản (Bộ, Ngành, UBND tỉnh, thành phố có trường).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch và phó chủ tịch HĐTS trường:

- a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh;

c) Báo cáo kịp thời với Bộ GD&ĐT và cơ quan chủ quản (Bộ, Ngành hoặc UBND tỉnh, thành phố có trường) về công tác tuyển sinh của trường;

d) Ra quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho HĐTS trường bao gồm: Ban Thư ký, Ban thanh tra tuyển sinh, Ban Cơ sở vật chất. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐTS trường;

đ) Phó Chủ tịch HĐTS trường giúp Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 10. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;

b) Các uỷ viên: một số cán bộ Phòng Giáo vụ (hoặc Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí), các phòng (ban) hữu quan, cán bộ công nghệ thông tin và giảng viên.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS trường

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐTS giao phó;

b) Tiếp nhận, bảo quản, hồ sơ xét tuyển của thí sinh;

c) Quản lý các giấy tờ, biên bản liên quan;

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

e) In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Ban thư ký HĐTS trường chỉ được tiến hành công việc liên quan đến hồ sơ xét tuyển khi có mặt ít nhất từ 2 uỷ viên của Ban trở lên.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban Thư ký HĐTS trường:

a) Lựa chọn những cán bộ, giảng viên trong trường có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, tác phong làm việc cẩn thận, có ý thức bảo mật và không có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự thi vào trường năm đó để trình Chủ tịch HĐTS trường xem xét, quyết định cử vào Ban Thư ký;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS điều hành công tác của Ban.

Chương III

XÉT TUYỂN VÀ TRIỆU TẬP THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

Điều 11. Quy định về việc xây dựng điểm trúng tuyển

Xây dựng điểm trúng tuyển: Trường căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được xác định, căn cứ vào thống kê điểm đạt được của tất cả thí sinh, căn cứ vào quy định về khung điểm ưu tiên; Ban Thư ký trình HĐTS trường xem xét quyết định phương án điểm trúng tuyển, để tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

Điều 12. Công bố điểm trúng tuyển, xử lý trường hợp thất lạc hồ sơ xét tuyển, chứng nhận kết quả thi cho thí sinh

1. Căn cứ biên bản điểm trúng tuyển do Ban Thư ký HĐTS trường dự kiến, HĐTS quyết định điểm trúng tuyển sao cho số thí sinh trúng tuyển đến trường nhập học không vượt chỉ tiêu được giao.

2. Trường hợp thí sinh bị thiếu điểm ở tiêu chí nào do lỗi của HĐTS làm thất lạc HSXT thì Chủ tịch HĐTS trường có trách nhiệm thông báo cho thí sinh biết và quyết định tổ chức xét tuyển hoàn thiện tiêu chí còn thiếu. Thí sinh không dự xét tuyển tiêu chí bổ sung thì không được xét tuyển.

3. Trường hợp thí sinh bị thiếu điểm một tiêu chí nào đó do lỗi của HĐTS trường nhưng tổng số điểm các tiêu chí còn lại bằng hoặc cao hơn điểm xét tuyển vào trường đã dự thi thì Chủ tịch HĐTS trường gọi thí sinh vào học theo ngành đã đăng ký mà không cần tổ chức xét tuyển bổ sung tiêu chí thiếu.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển đến trường

1. Chủ tịch HĐTS trường trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban Thư ký trình và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển nhập học. Trong giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả thi của thí sinh và những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trong thời gian nhập học, thí sinh phải qua kiểm tra sức khỏe toàn diện do trường tổ chức hoặc do Bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các giấy tờ xác nhận đối tượng như giấy chứng nhận con liệt sĩ, thẻ thương binh hoặc được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của bố mẹ thí sinh...

Các giấy tờ quy định tại điểm a, b, c, d của khoản này, trường thu bản photocopy có công chứng và đối chiếu với bản chính;

đ) Giấy triệu tập trúng tuyển;

e) Hồ sơ trúng tuyển.

4. Thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển, nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học. Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học năm sau.

5. Những thí sinh bị địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ GD&ĐT. Chỉ có Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới có quyền ký quyết định giữ lại người đã trúng tuyển, nhưng phải giải thích cho đương sự rõ lý do và căn cứ pháp luật của quyết định đó.

Những trường hợp địa phương hoặc trường giải quyết chưa đúng mà thí sinh có đơn khiếu nại, sau khi đã cùng các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương xem xét, Bộ GD&ĐT sẽ ra quyết định cuối cùng về việc học tập của thí sinh.

Điều 14. Kiểm tra kết quả thi và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ thi tuyển sinh, Hiệu trưởng giao cho Bộ phận thanh tra tuyển sinh tiến hành kiểm tra kết quả thi của tất cả số thí sinh đã trúng tuyển vào trường mình về tính hợp pháp của tất cả các tiêu chí theo quy định xét tuyển. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Hiệu trưởng có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi sinh viên trúng tuyển đến trường nhập học, trường cử cán bộ đối chiếu kiểm tra bản chính học bạ, văn bằng tốt nghiệp, giấy khai sinh và các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên của thí sinh, cán bộ trường ghi vào các giấy tờ nói trên: ngày, tháng, năm, "đã đối chiếu bản chính" rồi ghi rõ họ tên và ký.

Trong quá trình thu nhận hồ sơ hoặc trong thời gian sinh viên đang theo học tại trường, nếu phát hiện hồ sơ giả mạo thì báo cáo Hiệu trưởng xử lý theo quy định của Quy chế.

4. Sau khi được xét tuyển chính thức, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra Quyết định công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 15. Chế độ báo cáo

Tháng 11/2015, trường gửi thông báo kết quả tuyển sinh ĐH, CĐ cho các Sở GD&ĐT, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tình hình và kết quả tuyển sinh năm đó, dự kiến kế hoạch tuyển sinh năm sau.

Điều 16. Chế độ lưu trữ

Tất cả các tài liệu liên quan đến kỳ tuyển sinh, trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khoá đào tạo theo quy định của Pháp lệnh lưu trữ. Hết khoá đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xét huỷ.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Khen thưởng

1. Những người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Chủ tịch HĐTS trường khen thưởng hoặc đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT khen thưởng theo quy định.

2. Quỹ khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 18. Xử lý cán bộ tuyển sinh vi phạm quy chế

Người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau kỳ thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ áp dụng quy định tại Luật cán bộ, công chức và Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ để xử lý kỷ luật; Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08/6/2011 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 19. Xử lý thí sinh dự thi vi phạm quy chế

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục đào tạo.

Phụ lục 2 - Kết quả tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy các năm 2011, 2012, 2013, 2014

STT	Tên ngành	Bậc học	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Kế toán	ĐH	45	64	71	72
2	Khoa học cây trồng	ĐH	9	2	24	46
3	Chăn nuôi	ĐH	30	13	20	19
4	Thú y	ĐH			119	147
5	Quản lý đất đai	ĐH	96	40	129	135
6	Quản lý TNMT	ĐH			140	149
7	Công nghệ thực phẩm	ĐH		7	55	56
8	Lâm Sinh	ĐH			8	15
9	Công nghệ sinh học	ĐH		2	18	11
10	Quản lý Tài nguyên rừng	ĐH				51
11	Xét tuyển thí sinh tại các huyện nghèo (huyện 30a)			94	124	27
Tổng đại học			180	222	708	728
1	Kế toán	CĐ	59	58	15	1
2	Khoa học cây trồng	CĐ	15	13		
3	Chăn nuôi	CĐ	39	32	31	
4	Dịch vụ Thú y	CĐ				23
5	Quản lý đất đai	CĐ	72	55	24	7
6	Quản lý TNMT	CĐ			18	4
7	Công nghệ thực phẩm	CĐ	13	13	3	1
8	Lâm nghiệp	CĐ	15	8	4	1
9	Công nghệ sinh học			5		
10	Quản lý Tài nguyên rừng					9
Tổng cao đẳng			213	184	95	46
Tổng Đại học + Cao đẳng			393	406	803	774

Phụ lục 3
Các ngành, chuyên ngành và trình độ đào tạo của trường
(Kèm theo đề án Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy năm 2015
của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang)

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Trình độ	Số, ngày văn bản
1	Kế toán	52340301	Đại học	1472/QĐ-BGDĐT 15/4/2011
		51340301	Cao đẳng	5386/QĐ-BGD&ĐT-ĐH 01/12/1999
2	Khoa học cây trồng	52620110	Đại học	1472/QĐ-BGDĐT 15/4/2011
		51620110	Cao đẳng	5386/QĐ-BGDĐT 01/12/1999
3	Chăn nuôi	52620105	Đại học	1472/QĐ-BGDĐT 15/4/2011
		51620105	Cao đẳng	5386/QĐ-BGD&ĐT/ĐH 01/12/1999
4	Thú y	52640101	Đại học	3828/QĐ-BGDĐT 21/9/2012
5	Quản lý đất đai	52850103	Đại học	1472/QĐ-BGDĐT 15/4/2011
		51850103	Cao đẳng	5386/QĐ-BGD&ĐT/ĐH 01/12/1999
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	52850101	Đại học	3828/QĐ-BGDĐT 21/9/2012
		51850101	Cao đẳng	3828/QĐ-BGDĐT 21/9/2012
7	Công nghệ thực phẩm	52540101	Đại học	532/QĐ-BGDĐT 10/2/2012
		51540102	Cao đẳng	935/QĐ/BGDĐT 6/3/2002
8	Lâm sinh	52620205	Đại học	532/QĐ-BGDĐT

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Trình độ	Số, ngày văn bản
				10/2/2012
9	Công nghệ sinh học	52420201	Đại học	532/QĐ-BGDĐT 10/2/2012
		51420201	Cao đẳng	724/QĐ/BGD&ĐT- ĐH&SĐH 16/02/2006
10	Quản lý Tài nguyên rừng	52620211	Đại học	322/QĐ-BGDĐT 25/01/2014
		51620211	Cao đẳng	322/QĐ-BGDĐT 25/01/2014
11	Dịch vụ thú y	51640201	Cao đẳng	3828/QĐ-BGDĐT 21/9/2012
12	Sư phạm kỹ thuật NN	51140215	Cao đẳng	1370/QĐ-BGD&ĐT/ĐH 16/5/2001
13	Lâm nghiệp	51620201	Cao đẳng	935/QĐ/BGD&ĐT-ĐH 6/03/2002
14	Công nghệ thông tin	51480201	Cao đẳng	247/QĐ/BGD&ĐT- ĐH&SĐH 18/01/2005

Phụ lục 4

Danh mục các nguồn lực (Cơ sở vật chất và đội ngũ) để thực hiện đề án (Kèm theo Đề án tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy năm 2015 của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang)

I. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	97	116	213
I.1	Cán bộ trong biên chế	91	105	196
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	5	11	16
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	1	5	6
	Tổng số	98	121	219

2. Thống kê, phân loại giảng viên

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó GS						
3	Tiến sĩ						

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
	khoa học						
4	Tiến sĩ	20	19	1	11		
5	Thạc sĩ	108	107	1	30		
6	Đại học	17	16	1	1		
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
	Tổng số	145	142	3	42		

3. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, Viện sĩ									
2	Phó GS									
3	Tiến sĩ KH									
4	Tiến sĩ	20	13,79	18	2		13	1	6	
5	Thạc sĩ	108	74,48	35	73	27	69	3	9	
6	Đại học	17	11,72	6	11	13	1	0	3	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	T.độ khác									
	Tổng	145		59	86	40	83	4	18	

II. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

1. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 585.000 m².

2. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nhà làm việc: 3.450 m²
- Giảng đường: 6.950 m²
- Ký túc xá: 7.450 m²
- Khu vui chơi giải trí: 14.282 m²
- Phòng thí nghiệm và xưởng thực hành thí nghiệm của Trường hiện có:
 - + Nhà thư viện: 2.517 m²
 - + Nhà thí nghiệm: 828 m² (21 phòng thí nghiệm)
 - + Xưởng thực hành cơ khí : 756 m²
 - + Xưởng thực hành chế biến: 458 m²
 - + Trại chăn nuôi: 1.186 m² công suất nuôi 800-1.000 con lợn
 - + Thiết bị thí nghiệm: 9.908,7 triệu đồng, bao gồm: Máy kinh vĩ: 25 cái, máy toàn đạc điện tử: 8 cái; Máy móc thí nghiệm các loại : 2.851 triệu đồng.

3. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 8450 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 4.0 m² (Tổng số SV chính quy = 2.564 người)

4. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường:

- Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 2.242 cuốn; Tổng số sách hiện có trong thư viện: 31.488 cuốn.
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 985 cuốn; Tổng số sách gắn với ngành đào tạo hiện có trong thư viện: 11.216 cuốn.

5. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 165 bộ
- Dùng cho sinh viên học tập: 304 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,111

6. Tổng kinh phí năm 2013: 67.450.900.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: 39.188.900.000 đồng
- Kinh phí không thường xuyên: 28.262.000.000 đồng

PHỤ LỤC 5 – KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY, TƯƠNG QUAN

1- PHÂN TÍCH HỒI QUY KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Biến phụ thuộc: Kết quả học tập bình quân ở Đại học

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Sai tiêu chuẩn	Kiểm định t
Điểm bình quân tốt nghiệp PTTH	0,0966	0,0876	0,79
Điểm thi tuyển sinh*	0,0851	0,0365	2,33
Điểm bình quân 3 năm học PTTH**	0,7248	0,1148	6,32
Hằng số	-0,4542	0,7038	-0,65

(Dung lượng mẫu: 250; $R^2 = 0,3073$)

Ghi chú:

* Có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 95%

** Có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 99%

1- HỆ SỐ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN

	BQHTPT	ĐTS	BQTNPT	BQHTĐH
BQHTPT	1,0000			
ĐTS	0,4175	1,0000		
BQTNPT	0,4866	0,3990	1,0000	
BQHTĐH	0,5310	0,3600	0,3305	1,0000

Ghi chú:

BQHTPT: Điểm bình quân 3 năm học phổ thông trung học

ĐTS: Kết quả thi tuyển sinh (chưa tính ưu tiên)

BQTNPH: Điểm bình quân thi tốt nghiệp phổ thông

BQHTĐH: Điểm bình quân các kỳ đã học ở bậc Đại học

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2015

I. Xét tuyển đại học, cao đẳng dựa vào kết quả thi THPT quốc gia.

1. Hệ Đại học: 570 chỉ tiêu- Ký hiệu trường: DBG

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Dự kiến Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển
1	Khoa học cây trồng	D620110	A, A1, D1, B	36	Tổng điểm 3 môn
2	Chăn nuôi	D620105	A, A1, D1, B	36	
3	Thú y	D640101	A, A1, D1, B	72	
4	Quản lý đất đai	D850103	A, A1, D1, B	72	
5	Quản lý Tài nguyên & Môi trường	D850101	A, A1, D1, B	72	
6	Công nghệ thực phẩm	D540101	A, A1, D1, B	36	
7	Lâm sinh	D620205	A, A1, D1, B	30	
8	Công nghệ sinh học	D420201	A, A1, D1, B	30	
9	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	D620211	A, A1, D1, B	36	
10	Kế toán	D340301	A, A1, D1	48	
11	Bảo vệ thực vật *	D620112	A, A1, D1, B	36	
12	Kinh tế *	D310101	A, A1, D1	36	
13	Lâm nghiệp đô thị *	D620202	A, A1, D1, B	30	

2. Hệ Cao đẳng: 90 chỉ tiêu-Ký hiệu trường DBG

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Khối xét tuyển	Dự kiến Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển
1	Dịch vụ Thú y	C640201	A, A1, D1, B	24	Tổng điểm 3 môn
2	Quản lý đất đai	C850103	A, A1, D1, B	24	
3	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	C620211	A, A1, D1, B	24	
4	Kế toán	C340301	A, A1, D1	18	

Trong đó: Khối A: Toán, Lý, Hóa
 Khối A1: Toán, Lý, Ngoại ngữ (Anh)
 Khối B: Toán, Hóa, Sinh
 Khối D1: Toán, Ngữ văn, Anh
 (*) các ngành dự kiến sẽ mở đầu năm 2015

II. Xét tuyển đại học, cao đẳng dựa vào kết quả học tập ở THPT.

1. Hệ Đại học: 380 chỉ tiêu- Ký hiệu trường: DBG

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Dự kiến Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển
1	Khoa học cây trồng	D620110	24	Tổng điểm trung bình cả năm các lớp (10, 11 và 12) và điểm ưu tiên
2	Chăn nuôi	D620105	24	
3	Thú y	D640101	48	
4	Quản lý đất đai	D850103	48	
5	Quản lý Tài nguyên & Môi trường	D850101	48	
6	Công nghệ thực phẩm	D540101	24	
7	Lâm sinh	D620205	20	
8	Công nghệ sinh học	D420201	20	
9	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	D620211	24	
10	Kế toán	D340301	32	
11	Bảo vệ thực vật *	D620112	24	
12	Kinh tế *	D310101	24	
13	Lâm nghiệp đô thị *	D620202	20	

2. Hệ Cao đẳng: 60 chỉ tiêu-Ký hiệu trường DBG

stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Dự kiến Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển
1	Dịch vụ Thú y	C640201	16	Tổng điểm trung bình cả năm các lớp (10, 11 và 12) và điểm ưu tiên
2	Quản lý đất đai	C850103	16	
3	Quản lý Tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	C620211	16	
4	Kế toán	C340301	12	

Trong đó: Khối A: Toán, Lý, Hóa
Khối A1: Toán, Lý, Ngoại ngữ (Anh)
Khối B: Toán, Hóa, Sinh
Khối D1: Toán, Ngữ văn, Anh
(*) các ngành dự kiến sẽ mở đầu năm 2015